

Bản án số: 203/2026/DS-ST
Ngày: 10/02/2026
Về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC I - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thu Hà** - Thẩm phán.

Các Hội Thẩm nhân dân: Ông **Lê Hồ Bình** và Ông **Nguyễn Ngọc Hân**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Linh Chi** - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực I – Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Huyền Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực I, thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1046/2025/TLST-DS ngày 09/12/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2026/QĐXXST-DS ngày 20/01/2026, giữa:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần MBN J (J). Trụ sở: Tầng 15 Tòa nhà C, số 219 T, phường Y, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phúc T1 – Trưởng phòng Xử lý nợ Auto (Theo Văn bản ủy quyền số 04/2025/UQ-TGD ngày 29/8/2025)

Đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Vũ Xuân Đ, ông Nguyễn Trung T2 theo Văn bản ủy quyền số 11409/2025/UQ-XLN-J ngày 05/9/2025.

(Ông Định có mặt tại phiên tòa)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Số 14 phố Đ, phường H, Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thanh V. Sinh năm 1963. CCCD số 001163000168 cấp ngày 18/12/2021. Nơi cư trú: Số 12 phố Đ, phường H, thành phố Hà Nội. Theo Giấy ủy quyền ngày 29/12/2025.

(Bà V có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Theo đơn khởi kiện ngày 05/9/2025 của Công ty Cổ phần MBN J, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Đ trình bày như sau:***

Ngày 27/12/2024 Ngân hàng TMCP V (V) và Công ty Cổ Phần MBN J (J) ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 15/2024/VPB-J và các phụ lục đính kèm, V đồng ý bán và J đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng vay là ông Nguyễn Thanh S, bao gồm các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay mà ông Nguyễn Thanh S đã ký kết với V. Thông tin

khoản nợ cụ thể như sau: Theo Hợp đồng cho vay số LN1705150053526 ngày 17/05/2017, ông Nguyễn Thanh S có vay vốn tại V số tiền 720.000.000 đồng; Thời hạn vay: 48 tháng tức từ 17/5/2017 đến 17/5/2021; Mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình;

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: 01 xe ô tô nhãn hiệu HONDA CRV, số khung: LVHRM3859E5010896, số máy: K24Z83026088. Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 30E-593.91 do Phòng Cảnh sát Giao thông công an thành phố Hà Nội cấp ngày 21/12/2016, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Nguyễn Thanh S.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, V đã tiến hành giải ngân toàn bộ số tiền 720.000.000 đồng cho Ông S vào tài khoản Ông S đề nghị chuyển khoản tên Đinh Văn T5 và nhận giữ bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô tài sản bảo đảm mang tên Ông S.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông Nguyễn Thanh S đã trả được 501.725.787 đồng, trong đó nợ gốc: 380.123.873 đồng, nợ lãi : 121.601.914 đồng.

Tuy nhiên sau đó, ông Nguyễn Thanh S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản nợ đã chuyển sang quá hạn từ ngày 05/02/2019 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn.

Quá trình xử lý khoản vay, Công ty J đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu ông Nguyễn Thanh S thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay cho Công ty J tuy nhiên ông Nguyễn Thanh S không thực hiện.

Nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc Ông Nguyễn Thanh S phải thanh toán cho Công ty Cổ phần J tổng số tiền tạm tính đến ngày 09/01/2026 là 1.080.318.752 đồng, trong đó Nợ gốc là 339.876.127 đồng; Nợ lãi là 740.442.625 đồng.

Nợ lãi cụ thể như sau:

+Nợ lãi trong hạn: 14.488.407 đồng

+Nợ lãi quá hạn: 478.698.907 đồng

+Nợ lãi chậm trả: 247.255.311 đồng

- Đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong (các) Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ (nếu có) và văn bản tín dụng của khoản vay cho đến ngày Ông Nguyễn Thanh S thực tế thanh toán hết nợ cho Công ty J.

- Kể từ ngày Bản án/Quyết định có hiệu lực pháp luật mà Ông Nguyễn Thanh S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho J thì J có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho J, cụ thể như sau: 01 xe ô tô nhãn hiệu HONDA CRV, số khung: LVHRM3859E5010896, số máy: K24Z83026088. Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 30E-593.91 do Phòng Cảnh sát Giao thông công an thành phố Hà Nội cấp ngày 21/12/2016, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Ông Nguyễn Thanh S.

Số tiền thu được từ việc kê biên, phát mại tài sản bảo đảm phải được thanh toán cho Công ty J.

- Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, J có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của Ông Nguyễn Thanh S để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho J cho đến khi thực tế trả hết (các) khoản nợ.

****Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Nguyễn Thanh S là bà Nguyễn Thị Thanh V có văn bản “Đơn trình***

bày đề ngày 08/01/2026” và ý kiến tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Bà V xác nhận Ông S và V chi nhánh Kinh Đô có ký kết Hợp đồng cho vay số LN1705150053526 ngày 17/05/2017, Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1705150053526 ngày 17/5/2017.

Tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô nhãn hiệu HONDA CRV, số khung: LVHRM3859E5010896, số máy: K24Z83026088. Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 30E-593.91 do Phòng Cảnh sát Giao thông công an thành phố Hà Nội cấp ngày 21/12/2016, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Ông Nguyễn Thanh S.

Bà V xác nhận Ông S đã nhận được khoản vay tín dụng của V. Tuy nhiên, do tình hình sức khỏe và kinh tế, hoàn cảnh hiện tại Ông S không thể gánh vác lãi suất và lãi phạt quá cao theo phần tính toán của bên cho vay.

Bà V đề nghị nguyên đơn phương án hoà giải sẽ trả nợ gốc định kỳ hàng tháng theo yêu cầu của nguyên đơn cho đến khi tất toán toàn bộ nợ gốc, đề nghị nguyên đơn miễn toàn bộ nợ lãi cho bị đơn.

***Tại phiên tòa:**

*Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Số liệu nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả nợ khoản vay tín dụng tạm tính đến phiên tòa sơ thẩm là 839.097.406 đồng, trong đó:

Nợ gốc: 339.876.127 đồng

Nợ lãi:

+Nợ lãi trong hạn: 14.488.407 đồng

+Nợ lãi quá hạn: 484.732.872 đồng

Nguyên đơn xin tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn có nghĩa vụ trả Nợ lãi chậm trả lãi: 254.363.035 đồng.

*Bà V trình bày: giữ nguyên ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị nguyên đơn đồng ý về việc bà V thực hiện trả nợ thay cho Ông S với số tiền nợ gốc, miễn toàn bộ tiền nợ lãi trong hạn, quá hạn với phương án trả một lần toàn bộ số tiền nợ gốc, thời hạn trả trong tháng giêng năm 2026.

Đối với việc nguyên đơn xin rút yêu cầu buộc bị đơn có nghĩa vụ trả Nợ lãi chậm trả lãi, bà V không có ý kiến gì.

Trường hợp nguyên đơn không đồng ý với phương án tất toán khoản vay theo đề xuất của bà V thì bà V xin phép rút khỏi nghĩa vụ trả nợ thay Ông S để ông Nguyễn Thanh S thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Hà Nội** phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự, tiến hành hòa giải, thu thập chứng cứ và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tiến hành đúng các thủ tục theo quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án đến khi phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đã chấp hành pháp luật theo các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận **một phần** yêu cầu khởi kiện

của nguyên đơn, đình chỉ đối với phần rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số liệu nợ lãi chậm trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau phần tranh luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật trong vụ án:

[1.1]. Tranh chấp giao dịch dân sự tín dụng giữa pháp nhân và khách hàng Nguyễn Thanh S mục đích vay vốn của bị đơn nhằm phục vụ nhu cầu cuộc sống, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp về dân sự.

[1.2]. Bị đơn cư trú tại số 14 Đ, phường H, thành phố Hà Nội. Căn cứ vào Điều 35 khoản 1 điểm a; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Tòa án nhân dân khu vực 1 – Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là đúng thẩm quyền.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

[2.1]. Các đương sự có nghĩa vụ giao nộp tài liệu chứng cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện, ý kiến về việc giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã có văn bản thông báo cho các đương sự giao nộp toàn bộ tài liệu chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án. Nay, HĐXX căn cứ các tài liệu chứng cứ được giao nộp cho đến phiên tòa sơ thẩm để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2.2]. Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn có nghĩa vụ trả nợ lãi chậm trả lãi là tự nguyện, bị đơn không đề nghị HĐXX tạm dừng phiên tòa để tiến hành thủ tục hoà giải về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện, do vậy, HĐXX cần đình chỉ đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1]. Xét Hợp đồng tín dụng số LN1705150053526 ngày 17/05/2017 đã ký kết giữa V và ông Nguyễn Thanh S có hình thức bằng văn bản, các bên tự nguyện ký kết hợp đồng và đảm bảo về chủ thể ký kết hợp đồng theo quy định của pháp luật, mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội. Do vậy hợp đồng tín dụng đã không vi phạm các điều kiện có hiệu lực theo quy định của Bộ Luật dân sự 2015.

[3.1.1]. Ngày 17/5/2017, Ngân hàng tiến hành giải ngân toàn bộ số tiền 720.000.000 đồng theo hình thức chuyển khoản đến tài khoản của người tên Đinh Văn T5 theo đề nghị của ông Nguyễn Thanh S.

[3.1.2]. Tại Khế ước nhận nợ ngày 17/5/2017, hai bên thoả thuận lãi suất cho vay, lộ trình thanh toán, tất toán khoản vay, thời hạn vay 48 tháng tức từ ngày 17/5/2017 đến 17/5/2021. Như vậy, kể từ ngày 18/5/2021 khoản vay tín dụng thuộc trường hợp chỉ tính lãi phát sinh là lãi quá hạn theo thoả thuận tại hợp đồng tín dụng ký kết giữa Ông S và V.

[3.1.3]. Theo các tài liệu do nguyên đơn giao nộp, Bảng kê tính toán số liệu nợ của bị đơn tính đến phiên toà sơ thẩm của nguyên đơn thấy rằng nguyên đơn đã tính toán đúng quy định về số liệu của khoản nợ của bị đơn. Xác định, ngày 05/02/2019, khoản vay chuyển sang quá hạn, tính đến phiên toà sơ thẩm bị đơn còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 839.097.406 đồng.

[3.2]. Xét Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1705150053526 ngày 17/05/2017 ký kết giữa ông Nguyễn Thanh S và V chi nhánh Kinh Đô có nội dung tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu HONDA CRV, số khung: LVHRM3859E5010896, số máy: K24Z83026088. Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 30E-593.91 do Phòng Cảnh sát Giao thông công an thành phố Hà Nội cấp ngày 21/12/2016, đứng tên chủ xe Nguyễn Thanh S.

Hợp đồng thế chấp có hình thức bằng văn bản, các bên tự nguyện ký kết hợp đồng và đảm bảo về chủ thể ký kết hợp đồng theo quy định của pháp luật, mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội.. Do vậy hợp đồng thế chấp đã không vi phạm các điều kiện có hiệu lực theo quy định của Bộ Luật dân sự 2015.

[3.2.1]. Tại Điều 2 “Nghĩa vụ được bảo đảm” của Hợp đồng thế chấp ông Nguyễn Thanh S và V chi nhánh Kinh Đô đã thoả thuận tài sản thế chấp có nghĩa vụ bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của bên bảo đảm phát sinh được ký kết giữa Ông S và V. V nhận giữ bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô tài sản bảo đảm mang tên Ông S.

[3.2.2]. Ông Nguyễn Thanh S đã không thực hiện đúng hợp đồng tín dụng đã ký kết làm phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, không thực hiện nghĩa vụ bàn giao tài sản bảo đảm cho V nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị được tuyên quyền phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi khoản nợ có căn cứ theo Điều 317, Điều 320, Điều 323 của Bộ Luật dân sự 2015.

[3.3]. Xét Hợp đồng mua bán nợ số 15/2024/VPB-J và các phụ lục đính kèm: được ký kết giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty CP MBN J có hình thức bằng văn bản, các bên tự nguyện ký kết hợp đồng và đảm bảo về chủ thể ký kết hợp đồng theo quy định của pháp luật, mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội. Tại điểm h khoản 1 Điều 8 của Hợp đồng tín dụng số LN1705150053526 ngày 17/05/2017, Ông S và V thoả thuận “*V có toàn quyền chuyển giao, bán cho Bên thứ 3 toàn bộ hoặc một phần khoản nợ của Bên vay theo hợp đồng tín dụng mà không cần phải có sự đồng ý của Bên vay*”. Do vậy các hợp đồng chuyển nhượng, mua bán nợ đã không vi phạm các điều kiện có hiệu lực theo quy định của Bộ Luật dân sự 2015.

[3.3.1]. VP bank (Bên bán nợ) và Công ty CP MBN J (Bên mua nợ) xác nhận giao dịch mua bán toàn bộ khoản nợ của khách hàng Nguyễn Thanh S theo tỷ lệ 100% tổng khoản nợ đối với Hợp đồng tín dụng số LN1705150053526 ngày 17/05/2017. Do vậy, xác định Công ty CP MBN J được hưởng quyền lợi và nghĩa vụ 100% giá trị khoản nợ mà bị đơn Nguyễn Thanh S có trách nhiệm trả theo quy định của pháp luật.

[3.3.2]. Nội dung việc chuyển nhượng, mua bán nợ đều thoả thuận chuyển giao cho bên mua nợ quyền lợi, lợi ích của Bên bán nợ đối với tài sản bảo đảm của khoản nợ. Do vậy, xác định Công ty CP MBN J được hưởng quyền lợi theo thoả thuận về việc thu hồi khoản nợ bằng tài sản bảo đảm theo thoả thuận theo quy định của pháp luật.

[4]. Đối với yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn “*Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, J có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của Ông Nguyễn Thanh S để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho J cho đến khi thực tế trả hết (các) khoản nợ*”

Xét văn bản tín dụng không có thoả thuận này, việc buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ sau khi bản án có hiệu lực pháp luật có quy định tại Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành án nên HĐXX không xem xét yêu cầu này.

[5]. **Về án phí:** Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6]. **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào

- Khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 114; Điều 124; khoản 1 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

- khoản 3 Điều 40, Điều 117, điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 317, Điều 320, Điều 323, Điều 429, Điều 466, Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

I. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện Công ty CP MBN J đối với bị đơn – ông Nguyễn Thanh S đối với Hợp đồng tín dụng số LN1705150053526 ngày 17/05/2017, Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1705150053526 ngày 17/05/2017, Hợp đồng mua bán nợ số 15/2024/VPB-J và các phụ lục đính kèm về việc buộc bị đơn phải trả cho số nợ lãi chậm trả lãi 254.363.035 đồng (Hai trăm năm mươi tư triệu, ba trăm sáu mươi ba nghìn, không trăm ba mươi lăm đồng).

II. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty CP MBN J đối với bị đơn – ông Nguyễn Thanh S đối với Hợp đồng tín dụng số LN1705150053526 ngày 17/05/2017, Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1705150053526 ngày 17/05/2017,

Hợp đồng mua bán nợ số 15/2024/VPB-J và các phụ lục đính kèm, **cụ thể như sau:**

2.1 Buộc ông Nguyễn Thanh S phải trả cho Công ty CP MBN J tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 10/02/2026 với tổng số tiền 839.097.406 đồng (Tám trăm ba mươi chín triệu, không trăm chín mươi bảy nghìn, bốn trăm linh sáu đồng), trong đó:

Nợ gốc: 339.876.127 đồng

Nợ lãi:

+Nợ lãi trong hạn: 14.488.407 đồng

+Nợ lãi quá hạn: 484.732.872 đồng

2.2 Buộc ông Nguyễn Thanh S có nghĩa vụ kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (11/02/2026) tiếp tục trả lãi bao gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn cho Công ty CP MBN J cho đến ngày ông Nguyễn Thanh S thanh toán được toàn bộ khoản vay.

2.3. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Nguyễn Thanh S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Công ty CP MBN J, **Công ty CP MBN J có quyền được tự phát mại tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản thuộc quyền kê biên phát mại tài sản bảo đảm khoản vay cụ thể là: 01 xe ô tô nhãn hiệu HONDA CRV, số khung: LVHRM3859E5010896, số máy: K24Z83026088. Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 30E-593.91 do Phòng Cảnh sát Giao thông công an thành phố Hà Nội cấp ngày 21/12/2016, đứng tên chủ xe Nguyễn Thanh S.**

2.4. HĐXX không xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn *“Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, J có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của Ông Nguyễn Thanh S để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho J cho đến khi thực tế trả hết (các) khoản nợ”*

III. Án phí:

3.1. Công ty CP MBN J được trả lại **21.450.000 đồng (Hai mươi một triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng)** tạm ứng án phí đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Hà Nội. Biên lai tạm ứng án phí số 0019017 ngày 08/12/2025.

3.2. Ông Nguyễn Thanh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **37.563.896 đồng (Ba mươi bảy triệu, năm trăm sáu mươi ba nghìn, tám trăm chín mươi sáu đồng).**

IV. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các đương sự. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

V. Thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND KV1-Hà Nội;
- Phòng Thi hành án DS KV1-Hà Nội;
- Tòa án NDTP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THU HÀ